

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2022
“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Năm

Bà Lê Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 242/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27/7/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 30/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Bé H**, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp 2, xã NT, huyện TT, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thái G**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp 2, xã NT, huyện TT, tỉnh Long An.

(Các đương sự được triệu tập đều có mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Bé H trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà và ông G tự nguyện đi đến hôn nhân năm 2015, có đăng ký kết hôn ngày 04/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện TT, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông G không chăm lo cho gia đình, sa đà, ham mê cờ bạc. Bà đã khuyên nhủ nhưng ông G không thay đổi. Hai người đã sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay. Do không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà và ông G có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 08/10/2016. Khi ly hôn, bà nhường quyền nuôi con cho ông G. Bà cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung và không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Thái G trình bày tại bản tự khai ngày 14/9/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm có nội dung như sau:*

Ông và bà H kết hôn năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tiền bạc. Trước đây, ông có đánh bạc nhưng ít, nay ông đã không còn chơi nữa. Vợ chồng ông đã sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Ông không đồng ý ly hôn với bà H vì muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Ông và bà H có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 08/10/2016. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng. Hiện nay, ông đang sống chung nhà với cha mẹ ruột. Công việc tự do thu nhập khoảng từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng ông không có nợ chung và không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Bé H nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thái G. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông G được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp. Bà H và ông G đã ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Bà H đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và xác định không còn tình cảm với ông G, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân này do ông G không có sự thay đổi tích cực. Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy thời gian ly thân của bà H, ông G không dài nhưng cũng đủ để hai bên suy nghĩ, tìm cách giải quyết mâu thuẫn trong hôn nhân. Cho đến nay, bà H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Ông G không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn trong hôn nhân giữa hai bên là trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà H có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung:

Bà H, ông G xác định ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 08/10/2016 đang sống chung với ông G. Khi ly hôn, bà H nhường quyền nuôi dưỡng con chung cho ông G. Bà sẽ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, ông G xác định nếu có ly hôn thì ông đồng ý nuôi con chung. Do đó, giao con chung Nguyễn Hoàng Huy cho ông Nguyễn Thái G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Việc bà H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi Nguyễn Hoàng Huy đủ 18 tuổi.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà H được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về nợ chung: Bà H, ông G xác định ông bà không có nợ chung. Cho đến khi xét xử sơ thẩm, không có ai khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nợ chung của vợ chồng bà H và ông G nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung: Bà H và ông G xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Ông G không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bé H về việc “Ly hôn” đối với ông Nguyễn Thái G.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bé H được ly hôn với ông Nguyễn Thái G.

2/ Về con chung:

Giao 01 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 08/10/2016 cho ông Nguyễn Thái G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Bé H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 08/10/2016 mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi Nguyễn Hoàng H đủ 18 tuổi.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà Trần Thị Bé H được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí:

Bà Trần Thị Bé H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002582, ngày 26/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà Trần Thị Bé H phải nộp thêm 300.000 đồng án phí sung công quỹ Nhà nước.

Ông Nguyễn Thái G không phải chịu án phí.

4/ Án xử sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND xã NT;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng